

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **142/2021/HS-ST**

Ngày: 12-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Păng Ting Nôck;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 139/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quý T; sinh ngày 08 tháng 11 năm 1991, tại Đăk Lăk; hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã T, huyện B, tỉnh Đăk Lăk; nơi ở: 45-47 đường B, thị trấn L huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm tóc; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và bà Đèo Nàng Thủy H, sinh năm 1971; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: Tại Bản án số 03/2015/HSST ngày 06/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”, bị cáo chưa thi hành phần bồi thường dân sự; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/02/2021; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. (*Có mặt*)

2. Trần Kim H, tên thường gọi khác: N; sinh ngày 11 tháng 10 năm 1965, tại Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ E, Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Kim H (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1944; có vợ: Phan Thị T, sinh năm 1964 (chết); con: chưa có; tiền án: tiền sự: không; nhân thân:

- Tại Bản án số 14/HSST ngày 12/02/2004 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, đã xoá án tích;

- Tại Bản án số 24/2010/HSST ngày 31/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, đã xoá án tích;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/02/2021; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. (Có mặt)

Bị hại: Anh Phạm Quốc V, sinh năm: 1995; nơi cư trú: 32/9 đường C, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Hoàng Y; (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Quang H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quý T và Trần Kim H là những đối tượng sử dụng ma túy, không có công việc ổn định và quen biết nhau từ tháng 12/2020. Do không có tiền tiêu xài nên T rủ H đi tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì H đồng ý. Thực hiện ý định trên, ngày 21/02/2021, T đến nhà H tại Tổ E, Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chơi và ngủ lại đến sáng ngày 22/02/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 53X7-60.. chở H đi từ huyện Đ lên thành phố Đ để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 17 giờ cùng ngày, cả hai đến trước nhà số 32/9 32/9 đường C, phường C, thành phố Đ thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám đen cam, biển số 49B1-893... của anh Phạm Quốc V đang dựng trong phòng khách, chìa khoá cắm tại ổ điện của xe và không có ai ở đó. Thấy vậy, H ở ngoài cảnh giới còn T đi vào trong nhà anh V dắt chiếc xe mô tô trên ra ngoài sân thì bị chị Nguyễn Hoàng Y (vợ anh V) phát hiện tri hô rồi cùng anh V và quần chúng nhân dân đuổi bắt. Thấy vậy, T ngồi lên xe mới trộm cắp được nổ máy bỏ chạy còn H cũng điều khiển xe mô tô biển số 53X7-60.. bỏ chạy. H và T bỏ chạy được một đoạn thì bị người dân và Công an Phường C, thành phố Đ bắt giữ cùng tang vật và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại kết luận định giá số 39/KL-ĐG ngày 24/2/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 49B1-893... nói trên có giá trị là 44.100.000 (bốn mươi bốn triệu một trăm nghìn) đồng. Anh V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 140/CT-VKSĐL ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố các bị cáo Nguyễn Quý T và Trần Kim H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo H và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với hai bị cáo. Cả hai bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại anh Phạm Quốc V trình bày xác nhận lời khai của các bị cáo là đúng. Hiện anh đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng chị Nguyễn Hoàng Y trình bày khoảng 17 giờ ngày 21/02/2021, khi gia đình chị đang ở phòng bếp thì bị cáo T vào nhà chị dắt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám đen cam, biển số 49B1-893... của anh Phạm Quốc V đang dựng trong phòng khách ra ngoài sân, chị phát hiện hô lên thì bị cáo điều khiển xe bỏ chạy, sau đó thì bị người dân và công an phường C bắt giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 140/CT-VKSĐL ngày 08/6/2021. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quý T và Trần Kim H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt:

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quý T từ 30-36 tháng tù;

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Trần Kim H từ 24-30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị:

- Trả lại cho bị cáo T 01 kìm có cán nhựa màu đỏ đen; 01 tuốc-nơ-vít dài 20cm là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội;

- Trả lại cho bị cáo H 02 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Kim H là tài sản và giấy tờ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội;

- Đối với chiếc 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số: 53X7-60.. mặc dù bị cáo T khai là của bị cáo mua lại của một người tên L không rõ nhân thân lai lịch nhưng qua xác minh chiếc xe trên đứng tên chị Lê Thị Cẩm L1 nhưng

Cơ quan điều tra chưa xác minh được địa chỉ và chưa làm việc được với chị L1 nên đề nghị giao lại chiếc xe này cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định.

Các bị cáo, bị hại không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Cả hai bị cáo đều ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: người làm chứng ông H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của ông H không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Để có tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 17 giờ ngày 21/02/2021, tại nhà số 32/9 đường C, phường C, thành phố Đ, bị cáo Nguyễn Quý T và bị cáo Trần Kim H đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm của anh Phạm Quốc V 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám đen cam, biển số 49B1-893... trị giá 44.100.000 (bốn mươi bốn triệu một trăm nghìn) đồng. Hành vi của các bị cáo Trần Kim H và Nguyễn Quý T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với hai bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, cả hai bị cáo T và H đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét thấy cả hai bị cáo đều là người đã thành niên, có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì nghiện ma túy, lười lao động, để có tiền tiêu xài mà cả hai bị cáo vẫn xem thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại với trị giá 44.100.000 đồng là tương đối lớn, việc các bị cáo bị phát hiện, bắt quả tang là ngoài ý muốn của các bị cáo. Trong vụ án này, cả hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm mang tính giản đơn, trước khi thực hiện cả hai đều không có sự bàn bạc, phân công cụ thể. Bị cáo T là người rủ rê và là người trực tiếp lấy tài sản nên vai trò của bị cáo T cao hơn bị cáo H, ngoài ra bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên hình phạt đối với bị cáo T là cao hơn bị cáo H. Bị cáo H mặc dù lớn tuổi hơn bị cáo T rất nhiều nhưng khi được bị cáo T rủ rê chẳng những bị cáo H không khuyên ngăn mà còn đồng ý ngay và tham gia với vai trò giúp sức tích cực, là người cảnh giới cho bị cáo T vào nhà bị hại lấy trộm tài sản. Bản thân bị cáo H cũng có nhân thân xấu, đã 02 lần bị Toà án nhân dân huyện Đ xử phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng bị cáo vẫn không chịu ăn năn hối cải, lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần thiết phải áp dụng một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội và thái độ chấp hành pháp luật của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo đồng thời mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của hai bị cáo tại phiên toà thể hiện cả hai bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh V đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho anh V 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 49B1-893... là đúng quy định;

- 01 kim có cán nhựa màu đỏ đen; 01 tuốc-nơ-vít dài 20cm là tài sản của bị cáo T không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T;

- 02 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Kim H là tài sản và giấy tờ của bị cáo H không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H;

- Đối với chiếc 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số: 53X7-60.. mặc dù bị cáo T khai là của bị cáo mua lại của một người tên L không rõ nhân thân lai lịch. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định chiếc xe trên đứng tên chị Lê Thị Cẩm L1, địa chỉ: 64/24 đường V, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng qua xác minh, chị L1 không còn ở tại địa chỉ trên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt chưa làm việc được với chị L1 nên giao lại chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quý T và Trần Kim H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Quý T 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 22/02/2021.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Kim H 30 (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 22/02/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo T 01 kim có cán nhựa màu đỏ đen; 01 tuốc-nơ-vít dài 20cm;

- Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model: RM110YMEY358506230226/3, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng máy; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model: 101, màu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng máy; 01 thẻ bảo hiểm y tế số GB4686823154...

- Giao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số: 53X7-60..., số máy: E3X9E460..., số khung: GLCUE3210ZY197... đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng xe để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định.

(Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo H và T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên